

Số/No.: 372/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2023  
 Hanoi, day 11 month 05 year 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
 GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
 EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
 To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
  - Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
  - Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF MAFM VN30
  - Mã chứng khoán/ Securities symbols: FUEMAV30
  - Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 10/05/2023
  - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
<b>I.</b>	<b>Chứng khoán/ Stock</b>		
1	ACB	3500	7.1%
2	BCM	100	0.6%
3	BID	200	0.7%
4	BVH	100	0.4%
5	CTG	900	2.0%
6	FPT	1200	7.7%
7	GAS	100	0.8%
8	GVR	200	0.3%
9	HDB	2100	3.2%
10	HPG	3900	6.9%
11	MBB	3000	4.4%
12	MSN	800	4.8%
13	MWG	1300	4.0%
14	NVL	1300	1.4%
15	PDR	300	0.3%
16	PLX	200	0.6%
17	POW	700	0.8%
18	SAB	100	1.3%
19	SSI	1200	2.2%
20	STB	2300	4.8%
21	TCB	2700	6.4%
22	TPB	1100	2.1%
23	VCB	600	4.5%
24	VHM	1300	5.2%
25	VIB	1300	2.1%
26	VIC	1400	5.7%
27	VJC	300	2.3%
28	VNM	1000	5.7%
29	VPB	5700	9.0%
30	VRE	1100	2.4%
<b>II.</b>	<b>Tiền / Cash (VND)</b>	<b>4,162,995</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and one lot of ETF in value:
  - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,231,490,000 VND
  - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,235,652,995 VND
  - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ Spread in value: 4,162,995 VND
  - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to reduce the spread:
    - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component
    - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee



- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	24,900	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	45,100	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	46,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
4	FPT	78,900	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	18,300	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	37,950	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	TCB	29,300	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TPB	23,550	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	VIB	20,250	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

*State if component securities shall have corporate action:*

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*)	Kỳ trước/Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	10/05/2023	09/05/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	1	(1)
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	27,700,000	27,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ Closing price	12,450	12,410	40
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
- của quỹ ETF/ of the Fund	341,040,226,734	341,063,553,415	(23,326,681)
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,235,652,995	1,235,737,512	(84,517)
- của 1 CCQ/ per share	12,356.52	12,357.37	(0.85)
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,054.99	1,049.67	5.32

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 09/05/2023

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 08/05/2023

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật



Hun Hong Suk